

Unit 11: Science and technology

Name _____ Tyca _____

Bài tập 1: Viết từ tiếng Anh tương ứng với hình

































































































Unit 11: Science and technology

Name _____ Tyca _____

















LIVEWORKSHEETS

Unit 11: Science and technology

Bài tập 2: Viết lại từ cho đúng



arrcheology



Became o
reality



binifit



ceru



ditcover



enormuos



explere



filed



impruve



invant



Light bulb



overslepe



patant



presice



qualiti



roli

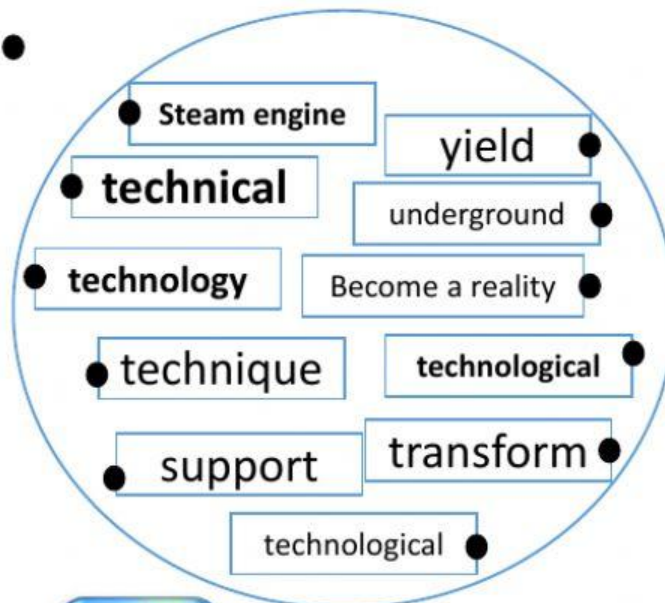


Science
scientifik

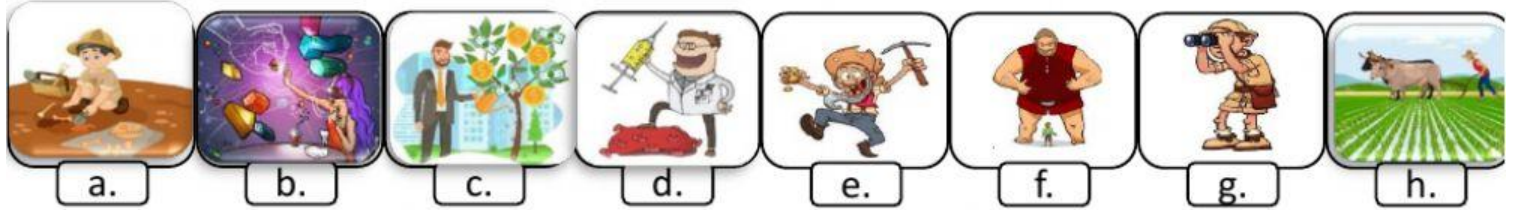


solvv

Bài tập 3: Nối từ tương ứng với hình



4. Nối hình với nghĩa tương ứng



1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.
Become a reality	discover	cure	archeology	enormous	field	benefit	explore

5. Nối

Over sleep	Light bulb	precise	patent	improve	quality	invent	role
------------	------------	---------	--------	---------	---------	--------	------



Vai trò	Ngủ quên	Cải thiện	Bằng sáng chế	Bóng đèn	Chất lượng	Phát minh	Chính xác
---------	----------	-----------	---------------	----------	------------	-----------	-----------

5. Nối đáp hình - nghĩa tiếng anh – nghĩa tiếng việt

1. 	science	Nhà khoa học	2. 	solve	Giải quyết
	cience	Khoa học		slvoe	Giải thể
3. 	Steam engine	Hơi thở của lửa	4. 	technique	Kỹ thuật
	Schim engine	Đầu máy hơi nước		tachnique	Kỹ năng
5. 	support	Ủng hộ	6. 	technical	Thuộc kỹ thuật
	sopport	Xúi bậy		technicol	Thuộc kỹ năng

6. Trò chơi ô chữ (hoàn thành ô trống)

7. Điền từ còn thiếu

techni  techno 

 cal  logy  gical